

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KH&CN
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NÔNG THÔN MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 1998 - 2002**

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN

**XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT BÔNG NĂNG SUẤT CAO VÀ SƠ
CHẾ BẢO QUẢN BÔNG HÀNG HOÁ TẠI 3 XÃ DÂN TỘC MIỀN NÚI :
YÊN HUNG, CHIỀNG SƠ VÀ NẬM TY, HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA

NĂM 2003

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KH&CN
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NÔNG THÔN MIỀN NÚI**

GIẢI ĐOẠN 1998 - 2002

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN

**XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT BÔNG NĂNG SUẤT CAO VÀ SƠ
CHẾ BẢO QUẢN BÔNG HÀNG HOÁ TẠI 3 XÃ DÂN TỘC MIỀN NÚI :
YÊN HUNG, CHIỀNG SƠ VÀ NẬM TỶ, HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
NĂM 2003**

MỤC LỤC

	Trang
I. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội của địa bàn trước khi dự án triển khai	1
II. Tóm tắt mục tiêu, nội dung dự án đã được phê duyệt và đã được điều chỉnh	3
1. Mục tiêu	3
2. Nội dung	3
3. Các nguồn vốn dự kiến huy động	5
4. Thời gian triển khai	5
III. Tình hình triển khai thực hiện dự án	5
1. Các giải pháp tổ chức triển khai đã thực hiện	5
2. Cách phân phối hỗ trợ vật tư cho các mô hình	10
3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan	10
IV. Tình hình triển khai xây dựng mô hình và kết quả đạt được của các mô hình	13
1. Tình hình thực hiện so với chỉ tiêu dự án đề ra	13
2. Tình hình triển khai xây dựng mô hình	13
3. Kết quả đạt được của các mô hình	19
V. Tình hình sử dụng kinh phí	21
VI. Hiệu quả kinh tế – xã hội của dự án	22
1. Hiệu quả kinh tế trực tiếp của các mô hình	22
2. Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án	24
VII. Đánh giá chung về kết quả thực hiện dự án, bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị	25

I. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội của địa bàn trước khi dự án triển khai :

Sơn La là một tỉnh miền núi phía Bắc bao gồm 9 huyện và thị xã Sơn La. Tổng diện tích đất tự nhiên 14.055 km², dân số 880.000 người. Sơn La là một tỉnh nghèo nhưng được thiên nhiên ưu đãi về mặt tài nguyên đất đai, khí hậu thích hợp với các loại hình cây công nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp tính đến năm 2000 có gần 200.000 ha trong đó diện tích đất trồng màu và cây công nghiệp ngắn ngày (ngô, đậu đỗ, lúa nương, dong riềng, sắn) chiếm 72% diện tích, chủ yếu là các loại đất đen, đất xám có tầng canh tác dày, độ phì khá, PH_{kcl} từ 5,5-7 là quỹ đất thích hợp cho việc phát triển cây bông vải.

Sơn La có điều kiện thời tiết hình thành hai mùa rõ rệt, mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, nhiệt độ trung bình năm là 22,7°C, nhiệt độ trung bình trong những tháng trồng bông (tháng 5-10) là : 25,2°C (vùng Yên Châu nhiệt độ trung bình : 26°C; vùng Sông Mã nhiệt độ trung bình : 25,2°C; vùng Mai Sơn, Thuận Châu nhiệt độ trung bình : 24,5-25°C), lượng mưa từ 1.120-1.400 mm/năm rất thích hợp cho cây bông sinh trưởng và phát triển. Cây bông được trồng trong tháng 5, sinh trưởng trong mùa mưa và thu hoạch vào mùa khô cuối tháng 9, tháng 10.

Đặc biệt Sơn La là nơi hội tụ chung sống của nhiều thành phần dân tộc: Kinh, Thái, H'Mông, Puộc, Lào..., lực lượng lao động phổ thông chiếm 68% và có tập quán trồng bông cỏ từ lâu đời.

Sông Mã là 1 huyện miền núi thuộc vùng sâu, vùng xa của tỉnh Sơn La.

Vị trí địa lý : phía bắc giáp huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; phía đông giáp huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; phía nam giáp CHND Lào; phía tây giáp huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu.

Độ cao trung bình 500 - 700m so với mặt nước biển. Với diện tích tự nhiên 313.359 ha, Sông Mã có 24.249,1 ha thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các loại cây như lúa nương, ngô, đỗ tương, cà phê cho năng suất khá cao.

Huyện Sông Mã có 26 xã và 1 thị trấn, có 409 bản với 21.279 hộ, lao động nông lâm nghiệp chiếm 77%. Sông Mã có nhiều dân tộc anh em : Kinh, Thái, H'Mông, Sinh mun, Khơ mú và dân tộc Lào với 104.345 nhân khẩu. Thế mạnh của huyện là phát triển cây hàng năm, chiếm 84,33% diện tích gieo

trồng, đặc biệt là cây công nghiệp ngắn ngày chiếm 61,97% diện tích cây hàng năm và chiếm 52,26% tổng diện tích gieo trồng.

Sông Mã là một huyện của tỉnh Sơn La có tập quán trồng cây bông vải từ lâu, chủ yếu là trồng các giống bông cỏ địa phương năng suất thấp 6-6,5 tạ/ha để kéo sợi dệt vải làm chăn màn... tự cung tự cấp. Từ những năm của thập kỷ 70-80 diện tích bông được trồng đã lên đến hàng ngàn ha (Nông trường Chiềng Khương). Qua kết quả thử nghiệm trên diện rộng năm 2000 và năm 2001 đã xác định được Sông Mã là vùng sinh thái thích hợp cho cây bông vải phát triển.

Nghị quyết Huyện Đảng bộ lần thứ 17 huyện Sông Mã đã đề ra mục tiêu phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tiếp nhận những loại cây con có hiệu quả, phù hợp với địa phương, tận dụng điều kiện tự nhiên để từng bước xoá đói giảm nghèo. Vì vậy, việc đưa cây bông vải vào địa bàn huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La là nhằm khai thác tiềm năng của điều kiện tự nhiên và kinh tế- xã hội của địa phương.

Yên Hưng và Chiềng Sơ là 2 xã vùng 2 của huyện Sông Mã nằm cách trung tâm huyện 20 - 25km về phía Tây Nam, Nậm Ty là xã vùng cao cách trung tâm huyện 22 km về phía bắc có cơ cấu lao động và đất đai như sau :

Bảng 1 : Cơ cấu lao động, đất đai của 3 xã vùng dự án

TT	Chỉ tiêu	Yên Hưng	Nậm Ty	Chiềng Sơ
1	Số hộ	802	942	1.010
2	Diện tích tự nhiên (ha)	7.966	12.771	6.162
	* Đất nông nghiệp (ha)	1.253	783	1.385
	Đất trồng cây hàng năm (ha)	821	674	1.140
	Đất lúa (ha)	127	52	179
	Đất nương rẫy (ha)	686	522	960

Số liệu bảng 1 cho thấy diện tích đất nương rẫy của 3 xã là 2.168 ha chiếm 63,4% diện tích đất nông nghiệp, là quỹ đất có thể mở rộng sản xuất bông.

II. Tóm tắt mục tiêu, nội dung dự án đã được phê duyệt và đã được điều chỉnh :

1. Mục tiêu :

*** Mục tiêu trực tiếp :**

- Nhằm chuyển đổi và bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, đưa cây bông trở thành cây trồng chính của 3 xã đạt năng suất bình quân 15-16 tạ/ha, nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc ở các xã lên bình quân 1.800.000-2.000.000 đồng/người/năm, góp phần thực hiện tốt chương trình xoá đói giảm nghèo.

- Tổ chức thu mua, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm bông hạt tại địa bàn sản xuất, tạo điều kiện để nông dân mở rộng sản xuất bông hàng hoá.

- Ép kiện, sơ chế bảo quản bông hàng hoá tại chỗ nhằm bố trí lao động hợp lý, giải quyết việc làm cho bà con nông dân trong vùng, đảm bảo chất lượng bông, giảm giá vận chuyển, hạ giá thành bông xơ.

*** Mục tiêu nhân rộng kết quả của mô hình :**

Mở rộng diện tích trồng bông ra các xã trong huyện Sông Mã và các huyện khác của tỉnh Sơn La, đưa quy mô vùng bông hàng hoá lên khoảng 10.000 ha, năng suất đạt trên 15 tạ/ha, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu ở miền núi phía Bắc cho ngành dệt may.

*** Mục tiêu đào tạo cán bộ kỹ thuật viên cho địa bàn :**

- Đào tạo cán bộ kỹ thuật nắm vững về kỹ thuật sản xuất : kỹ thuật canh tác, bảo vệ thực vật, thâm canh và xen canh cây trồng cạn bông, ngô, đậu đỗ, lạc...

- Đào tạo các nông dân sản xuất giỏi có uy tín, các cán bộ bản và cán bộ xã thành cộng tác viên, kỹ thuật viên, đảm bảo khi dự án kết thúc các cán bộ này nắm vững được kỹ thuật và hướng dẫn chỉ đạo mở rộng diện tích.

2. Nội dung : Xây dựng 4 mô hình

*** Mô hình thâm canh bông tăng năng suất và chất lượng xơ tại xã Yên Hưng :**

- Mục tiêu : Nâng cao năng suất bông, đảm bảo đạt trên 20 tạ/ha, chất lượng bông đạt trên 95% bông loại 1.

- Quy mô : Diện tích 40ha, 124 hộ tham gia trong 2 năm.

- Địa điểm : Bản Huổi và bản Pảng, xã Yên Hưng.

*** Mô hình thâm canh tăng năng suất bông kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ Roundup tại xã Nậm Ty :**

- Mục tiêu : Đạt năng suất trên 20 tạ/ha, bông hạt loại 1 trên 90%, khai thác và sử dụng có hiệu quả quỹ đất của vùng Nậm Ty.

- Quy mô : Diện tích 40ha, 102 hộ tham gia trong 2 năm.

- Địa điểm : Bản Nà Khựa và bản Nà Tòng, xã Nậm Ty.

*** Mô hình xen canh bông với lạc tại xã Chiềng Sơ :**

- Mục tiêu : Nâng cao hiệu quả của việc trồng xen bông với lạc – cây trồng truyền thống ngắn ngày trong vùng, đảm bảo năng suất bông đạt trên 15 tạ/ha và năng suất lạc xen đạt trên 6 tạ/ha; tăng hệ số sử dụng đất; chuyển đổi cây trồng phù hợp điều kiện sinh thái của vùng, góp phần phát triển ổn định và bền vững nền nông nghiệp địa phương.

- Quy mô : Diện tích 40ha, 102 hộ tham gia trong 2 năm

- Địa điểm : Bản Mâm và bản Nà Lốc, xã Chiềng Sơ

*** Mô hình sơ chế, ép kiện, đóng gói bảo quản bông hạt tại 3 xã : Yên Hưng, Chiềng Sơ và Nậm Ty :**

- Mục tiêu :

+ Phân loại chất lượng bông hạt tại chỗ, đảm bảo chất lượng bông đồng thời tạo công ăn việc làm cho người dân.

+ Ép kiện bông hạt, giảm thể tích vận chuyển, giảm chi phí vận chuyển bông hạt từ 25-30%.

- Qui mô : 3 máy ép kiện bông hạt tại 3 xã Yên Hưng, Chiềng Sơ và Nậm Ty

*** Quy trình kỹ thuật :**

- Sử dụng các giống bông lai F_1 có năng suất và chất lượng cao hơn hẳn so với những giống bông địa phương như các giống VN₂₀, VN₁₅ và VN₀₁₋₂.

- Chọn thời vụ gieo thích hợp với điều kiện thời tiết của vùng Sông Mã.

- Đảm bảo mật độ gieo : bình quân 3,5kg hạt giống/ha, khoảng 3,3 vạn cây/ha.

- Đầu tư vào các khâu chăm bón, thu hái hợp lý và cao hơn tập quán cũ của địa phương.

Về quy trình kỹ thuật áp dụng cho các mô hình cơ bản giống nhau, tuy nhiên theo tính chất và mục tiêu riêng của từng mô hình chúng tôi có sự điều chỉnh thích hợp, điều này được thể hiện cụ thể trong tài liệu hướng dẫn và tập huấn kỹ thuật kèm theo báo cáo.

3. Các nguồn vốn dự kiến huy động :

Tổng kinh phí thực hiện dự án : 1.086.600.000 đồng

Các nguồn vốn huy động gồm :

- Vốn ngân sách SNKHTW cấp : 650.000.000 đồng, chiếm 59,8%.
- Vốn ngân sách SNKHDP : 45.000.000 đồng, chiếm 4,1%.
- Vốn tự có của Chi nhánh Công ty Bông Việt Nam tại Hà Nội : 32.640.000 đồng, chiếm 3,1%.
- Vốn huy động của dân gồm công, hạt giống cây trồng xen : 358.960.000 đồng, chiếm 33%.

4. Thời gian triển khai :

Thời gian thực hiện dự án 2 năm (2002 và 2003).

III. Tình hình triển khai thực hiện dự án

1. Các giải pháp tổ chức triển khai đã thực hiện :

*** Thành lập ban điều hành :**

- Cơ quan chủ trì dự án : Sở Khoa học và công nghệ Sơn La
- + Chủ nhiệm dự án : Lò Văn Na - Giám đốc
- Cơ quan chuyển giao công nghệ : Chi nhánh Công ty Bông Việt Nam tại Hà Nội
- + KS. Nguyễn Đình Chiến - Giám đốc
- + KS. Phan Quốc Hiến - Trùm trưởng trạm bông Sông Mã
- Cơ quan phối hợp chính : UBND huyện Sông Mã và UBND của 3 xã : Yên Hưng, Chiềng Sơ và Nậm Ty



**Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La kiểm tra bông
vùng dự án tại bản Páng – xã Yên Hưng**



Lãnh đạo cơ quan chuyển giao công nghệ kiểm tra bông vùng dự án

** Lựa chọn cán bộ, kỹ thuật viên :*

- Mời các chuyên gia về bông, cán bộ kỹ thuật Chi nhánh Công ty Bông Việt Nam tại Hà Nội, cán bộ 3 xã thực hiện dự án, cán bộ các bản, cán bộ trạm khuyến nông huyện Sông Mã và các cộng tác viên cơ sở của trạm bông Sông Mã.

- Ký hợp đồng với 3 cán bộ kỹ thuật trực tiếp theo dõi và chỉ đạo các mô hình.

- Chọn 3 kỹ thuật viên chính để cùng kết hợp chỉ đạo và theo dõi thực hiện. Ngoài ra còn có 9 cộng tác viên phối hợp thực hiện trên địa bàn 3 xã hình thành một mạng lưới chuyển giao kỹ thuật hiệu quả.

** Lựa chọn nông dân thực hiện dự án :*

Sau khi khảo sát địa điểm, xây dựng quy trình dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ đã tiến hành lựa chọn các hộ nông dân thực hiện dự án.

Số hộ nông dân tham gia các mô hình dự án trong 2 năm 2002 và 2003 trên 3 xã là 328 hộ trên diện tích 120ha tại 6 bản : bản Huổi, bản Pảng (xã Yên Hưng); bản Mâm, bản Nà Lốc (xã Chiềng Sơ); bản Nà Khưa, bản Nà Tòng (xã Nậm Ty).

Dự án bao gồm các mô hình :

- Mô hình thâm canh bông tăng năng suất và chất lượng xơ : diện tích 40ha, số hộ tham gia 124 hộ, vùng thực hiện gồm bản Huổi và bản Pảng (xã Yên Hưng).

- Mô hình thâm canh tăng năng suất bông kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ Roundup : diện tích 40ha, số hộ tham gia 102 hộ, vùng thực hiện gồm bản Nà Khưa và bản Nà Tòng (xã Nậm Ty).

- Mô hình xen canh bông với lạc : diện tích 40ha, số hộ tham gia 102 hộ, vùng thực hiện gồm bản Mâm và bản Nà Lốc (xã Chiềng Sơ).

- Mô hình sơ chế, ép kiện, đóng gói bảo quản bông hạt tại chỗ gồm 3 máy ép kiện loại nhỏ đặt tại 3 xã thực hiện dự án với sự tham gia của các hộ thực hiện mô hình thâm canh.

** Ký hợp đồng với nông dân và tổ chức tập huấn :*

- Sau khi lựa chọn được các hộ nông dân thực hiện mô hình, các cán bộ kỹ thuật, cộng tác viên tiến hành ký kết hợp đồng và tổ chức tập huấn kỹ thuật.

- Kỹ thuật viên, cộng tác viên và tất cả các hộ nông dân thực hiện mô hình đều được tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, sử dụng chất điều hoà sinh trưởng PIX, sử dụng máy phun thuốc LV và cách pha chế thuốc, kỹ thuật ép kiện, sơ chế bảo quản bông.

- Chọn 20 nông dân vùng dự án tham gia chương trình chuyển giao kỹ thuật từng thời kỳ theo tiến độ sinh trưởng phát triển của cây bông (về sinh lý, bảo vệ thực vật, dinh dưỡng, canh tác, chất lượng sản phẩm...)

** Xây dựng quy chế, chức năng nhiệm vụ của cán bộ kỹ thuật và nông dân tham gia dự án :*

Để thực hiện nghiêm túc dự án về nội dung cũng như tiến độ, các bên tham gia dự án đã tiến hành họp 1 tháng 1 lần giữa cơ quan chuyển giao công nghệ, trạm bông Sông Mã, cán bộ khuyến nông, kỹ thuật viên dự án và một số cộng tác viên để kiểm điểm công tác và xác định công việc cho thời gian tới; tổ chức sơ kết giữa vụ, sơ kết 1 năm.

Các cam kết, qui chế trách nhiệm thông qua các hợp đồng như sau :

Quy chế và các cam kết :

** Trách nhiệm của Chi nhánh Công ty Bông Việt Nam tại Hà Nội :*

- Xây dựng qui trình kỹ thuật và cử cán bộ kỹ thuật giúp địa phương tổ chức thực hiện mô hình.

- Xác định mức kinh phí cụ thể cho các mô hình. Kinh phí hỗ trợ cho hộ nông dân được thông báo trước toàn thể bà con nông dân của 3 xã gồm : giống, phân bón các loại, thuốc bảo vệ thực vật.

- Thu mua toàn bộ sản phẩm cho nông dân với giá bảo hiểm từ đầu vụ là 5.200 đồng/kg bông hạt loại 1, có phân loại theo hướng dẫn của Chi nhánh.

** Trách nhiệm của UBND 3 xã thực hiện dự án :*

- Bố trí địa điểm triển khai mô hình phải tương đối thuận tiện cho việc sản xuất, kiểm tra và tham quan.

- Tổ chức cho các hộ nông dân gieo trồng đúng qui trình kỹ thuật do cơ quan chuyển giao công nghệ xây dựng.

- Năng suất mô hình thâm canh phải đạt trên 20 tạ/ha trở lên. Riêng mô hình xen canh bông với lạc năng suất bông đạt trên 16 tạ/ha, năng suất lạc xen đạt trên 6 tạ/ha.

- Sử dụng đúng mục đích các loại vật tư được dự án hỗ trợ.

** Trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật và kỹ thuật viên :*

- Cam kết chỉ đạo thực hiện các mô hình đúng diện tích và quy trình kỹ thuật do cơ quan chuyển giao công nghệ hướng dẫn, đảm bảo ruộng bông phát triển tốt, năng suất bông ở mô hình thâm canh đạt trên 20 tạ/ha, riêng mô hình xen canh bông với lạc năng suất bông đạt trên 16 tạ/ha, năng suất lạc xen đạt trên 6 tạ/ha.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ về khâu kỹ thuật và cung cấp đầy đủ các số liệu kỹ thuật trong quá trình chỉ đạo và có báo cáo khi kết thúc vụ cho cơ quan chuyển giao công nghệ.

- Chỉ đạo nông dân sử dụng đúng mục đích vật tư hỗ trợ và đầu tư ứng trước.

- Chỉ đạo nông dân thu hoạch, phân loại bông hạt theo hướng dẫn của cơ quan chuyển giao công nghệ.

- Hướng dẫn nông dân sử dụng thành thạo máy ép kiện bông hạt.

** Trách nhiệm của nông dân :*

- Cam kết trồng bông đúng diện tích và quy trình kỹ thuật do cán bộ kỹ thuật hướng dẫn.

- Sử dụng đúng mục đích vật tư được hỗ trợ và phần đầu tư thêm.

- Bán toàn bộ sản phẩm cho cơ quan chuyển giao công nghệ theo đúng chất lượng và giá quy định.

- Nếu thực hiện mô hình không đảm bảo theo yêu cầu của qui trình đề ra, năng suất bông thấp thì mô hình không được nghiệm thu và hộ nông dân phải bồi hoàn toàn bộ giá trị vật tư mà cơ quan chuyển giao công nghệ đã hỗ trợ và đầu tư (trừ trường hợp bất khả kháng).

2. Cách phân phối hỗ trợ vật tư cho các mô hình :

Bảng 2 : Định mức vật tư cho 1 ha

Loại vật tư	MH thâm canh bông tăng năng suất và chất lượng xơ	MH thâm canh tăng năng suất bông kết hợp sd thuốc trừ cỏ	MH xen canh bông với lạc
Giống	3,5kg	3,5kg	2,6 kg
Phân bón	400kg NPK + 200kg Urêa + 75kg KCl	400kg NPK + 200kg Urêa + 75kg KCl	400kg NPK + 200kg Urêa + 75kg KCl
Thuốc trừ bệnh	2 lít	2 lít	2 lít
Thuốc trừ sâu	1,5 lít	1,5 lít	1,5 lít
Thuốc trừ cỏ	-	4 lít	-
Phân bón lá	12kg	12kg	12kg

- Vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... được ký hợp đồng mua và vận chuyển về trụ sở UBND 3 xã thực hiện dự án ngay từ đầu vụ.

- Việc phân phối vật tư có sự phối hợp giám sát của lãnh đạo xã, trưởng bản, cán bộ kỹ thuật và cộng tác viên. Cán bộ theo dõi mô hình trực tiếp phân bổ vật tư cho từng hộ gia đình (theo diện tích) ngay tại ruộng mô hình, theo tiến độ của sản xuất, theo từng thời kỳ chăm sóc và có ký nhận của từng hộ, xác nhận của chính quyền địa phương.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan :

** Đào tạo cho nông dân vùng dự án :*

Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp được tổ chức thành 3 lớp tại 3 xã cho 60 hộ nông dân tham gia, trung bình 10 ngày một buổi, kéo dài 3 tháng (từ giai đoạn mọc đến giai đoạn quả). Nội dung tập huấn gồm các chuyên đề và thí nghiệm nhỏ.

Phương thức đào tạo tại ruộng cầm tay chỉ việc, hướng dẫn cụ thể, cây bông sinh trưởng phát triển đến đâu thì hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật đến đó. Các chuyên đề tập trung vào các lĩnh vực sinh trưởng phát triển, bảo vệ thực vật, dinh dưỡng, giống cây trồng, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, phân loại, ép kiện và đóng gói bảo quản.



Hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc bông theo phương thức cầm tay chỉ việc

** Nội dung chính tập huấn cho kỹ thuật viên và cộng tác viên :*



**Tập huấn kỹ thuật cho cộng tác viên
và tổ chức thăm quan nương bông đã phun PIX**

- Các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng cho vùng dự án.
- Cơ sở khoa học của các biện pháp kỹ thuật.
- Kinh nghiệm và phương pháp chuyển giao kỹ thuật đến người sản xuất.

Kỹ thuật viên và cộng tác viên được tập huấn 2 lần cho 30 lượt người tham dự.

** Tập huấn quy trình kỹ thuật cho các hộ nông dân vùng dự án :*

Sau khi xây dựng quy trình kỹ thuật cụ thể cho từng mô hình, cơ quan chuyển giao công nghệ triển khai 14 lớp tập huấn cho các hộ nông dân tại 3 xã trong 2 năm, tổng cộng có 902 lượt người tham dự.



Tập huấn kỹ thuật chăm sóc bông tại ruộng mô hình

** Tổ chức hướng dẫn cho các đoàn tham quan vùng dự án :*

Chi nhánh Công ty Bông Việt Nam tại Hà Nội, Trạm bông Sông Mã đã tổ chức và hướng dẫn cho các cán bộ, nông dân các xã Chiềng En, Mường Lầm, Đứa Mòn, Bó Sinh... tham quan vùng dự án với 286 lượt người tham gia.

IV. Tình hình triển khai xây dựng mô hình và kết quả đạt được của các mô hình

1. Tình hình thực hiện so với chỉ tiêu dự án đề ra :

Bảng 3 : Diện tích, năng suất, sản lượng bông ở các mô hình và sản xuất đại trà

Stt	Tên mô hình	Diện tích (ha)			NS bình quân 2 năm (tạ/ha)			Sản lượng (tấn)	Ghi chú
		KH	TH	% TH/KH	KH	TH	% TH/KH		
1	MH thâm canh bông tăng năng suất và chất lượng xơ	40	40	100	20	22,98	114,9	91,92	
2	MH xen canh bông với lạc	40	40	100	16	18,24	114,0	72,96	
3	MH thâm canh bông tăng năng suất kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ	40	40	100	20	22,32	111,6	89,28	
	Cộng dự án	120	120	100	18,67	21,18	113,4	254,16	
4	Ruộng bông sản xuất đại trà năm 2003		1.238			14,54			

2. Tình hình triển khai xây dựng các mô hình :

** Mô hình thâm canh tăng năng suất và chất lượng xơ tại xã Yên Hưng*

a. Diện tích 40ha, 124 hộ tham gia trong 2 năm tại bản Huổi và bản Pàng, xã Yên Hưng.

b. Nội dung :

- Đưa 3 giống bông lai F_1 : VN₂₀, VN₁₅, VN₀₁₋₂ vào sản xuất, áp dụng các biện pháp kỹ thuật về thời vụ, làm đất, chăm sóc và bón phân để có năng suất cao, chất lượng xơ bông tốt.

- Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về phòng trừ dịch hại tổng hợp cho cây bông (IPM), hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, bảo vệ sức khỏe cho người lao động, đồng thời bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững cân bằng sinh thái.

c. Các giải pháp thực hiện :

- Đất : trồng bông trên đất đồi, đất đen.
- Giống : trồng các giống bông lai F_1 : VN₂₀, VN₁₅ và VN₀₁₋₂.
- Mật độ : mật độ gieo 3,3 vạn cây/ha
- Thời vụ : gieo từ 05/05 - 25/05
- Làm đất : chặt cây vụ trước phơi khô đốt và cuốc xới 2 lần trước khi gieo hạt.
- Làm cỏ bón phân theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về canh tác, bón phân hợp lý và cân đối, kết hợp dùng PIX, phun qua lá nhằm tăng tỷ lệ đậu quả, tăng năng suất bông.



*** Nông dân chăm sóc ruộng bông mô hình thâm canh tăng năng suất
và chất lượng xơ tại bản Huổi – xã Yên Hưng**

** Mô hình thâm canh tăng năng suất bông kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ Roundup tại xã Nậm Ty :*

a. Diện tích 40 ha, 102 hộ tham gia trong 2 năm tại bản Nà Tông và bản Nà Khưa xã Nậm Ty.

b. Nội dung : Áp dụng đồng bộ các khâu kỹ thuật thâm canh cây bông cho đồng bào dân tộc từ làm đất, gieo trồng, chăm sóc, bón phân kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ Roundup và phòng trừ sâu bệnh đến thu hoạch.

c. Các giải pháp thực hiện :

- Đất : trồng bông trên đất đồi, đất xám

- Giống : trồng các giống bông lai F_1 : VN₂₀ và VN₁₅

- Mật độ : mật độ gieo 3,3 vạn cây/ha

- Thời vụ : gieo từ 05/05 - 25/05

- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật canh tác cây bông phù hợp trên đất đồi, đất xám như cách bón phân, biện pháp trừ cỏ thích hợp nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất; áp dụng đồng bộ và có hiệu quả phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây bông.



Cán bộ kỹ thuật kiểm tra mô hình thâm canh tăng năng suất bông kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ Roundup tại bản Nà Tông – xã Nậm Ty

*** Mô hình xen canh bông với lạc tại xã Chiềng Sơ :**

a. Diện tích 40ha, 102 hộ tham gia trong 2 năm tại bản Mâm và bản Nà Lốc, xã Chiềng Sơ.

b. Nội dung : Trồng bông xen lạc với công thức 1 hàng bông, 1 hàng lạc (hàng bông cách hàng bông 1,2m; hàng bông cách hàng lạc 0,6m).

c. Các giải pháp thực hiện :

- Giống bông : Đưa ra sản xuất 2 giống bông lai F_1 : VN₂₀ và VN₁₅ có năng suất và chất lượng khá, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương.

- Giống lạc xen : Sử dụng giống lạc của địa phương.

- Mật độ : bông trồng với mật độ 2,6-2,7 vạn cây/ha

- Thời vụ : gieo bông và lạc xen từ 05/05-25/05.

- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về canh tác cây bông cũng như cây xen phù hợp, mật độ xen, cách bón phân, chế độ chăm sóc thích hợp.

- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về phòng trừ dịch hại tổng hợp cho cây bông (IPM), hạn chế sử dụng thuốc hoá học trừ sâu, bảo vệ sức khoẻ cho người lao động, bảo vệ môi trường.



Ruộng bông xen lạc tại bản Nà Lốc – xã Chiềng Sơ giai đoạn 75 ngày tuổi

* *Liều lượng và chủng loại vật tư sử dụng cho các mô hình :*

a. Phân bón :

Bảng 4 : Lượng phân bón cho 1 ha mô hình thâm canh

Lần bón	NPK (kg)	Urea (kg)	Kali (kg)
Bón lót	300	-	-
Bón thúc lần 1	100	100	45
Bón thúc lần 2	-	100	30
Tổng	400	200	75

Lượng phân bón cho 1 ha mô hình thâm canh : 120N : 60P₂O₅ : 60K₂O

b. Thuốc bảo vệ thực vật :

Đầu vụ bệnh lở cổ rễ xuất hiện, đã được xử lý bằng Monceren 250SC với liều 0,6 lít/ha sau khi bông mọc 7-10 ngày.

Giữa vụ rệp, sâu ăn lá, sâu cuốn lá, sâu xanh, bệnh đốm cháy lá... tuy có xuất hiện nhưng ở mức độ thấp nên không phải xử lý bằng thuốc hoá học.

Cuối vụ bệnh mốc trắng và rầy xanh đã xuất hiện và gây hại từ cấp 1 đến cấp 2, đã được xử lý bằng Anvil 50EC 1,0 lít/ha, Sherpa 0,5 lít/ha.

Cụ thể như sau :

Bảng 5 : Liều lượng, chủng loại thuốc BVTV sử dụng cho các mô hình

STT	Đối tượng	Loại thuốc	Liều lượng (lít/ha)
1	Bệnh lở cổ rễ	Monceren 250SC	0,6
2	Rầy xanh	Sherpa	0,5
3	Bệnh mốc trắng	Anvil 50EC	1,0

c. Thuốc trừ cỏ (sử dụng cho Mô hình thâm canh bông tăng năng suất kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ tại xã Nậm Ty) : Vào thời kỳ 20 ngày và 55 ngày sau khi gieo bông đã tiến hành phun Roundup với liều lượng 2,0 lít/ha.

d. Chất điều tiết sinh trưởng (PIX) : Để hạn chế cây bông phát triển về chiều cao, lá xanh đậm và dày lên, tỷ lệ đậu quả cao hơn và nhiễm rầy ít hơn, đã tiến hành phun PIX 1-2 lần với lượng 50-100 ml/ha.

** Mô hình sơ chế, ép kiện, đóng gói bảo quản bông hạt tại 3 xã Yên Hưng, Chiềng Sơ và Nậm Ty :*

a. Sử dụng 3 máy ép kiện loại nhỏ đặt tại 3 xã Yên Hưng, Chiềng Sơ và Nậm Ty với 328 hộ tham gia trong 2 năm.

b. Nội dung :

- Hướng dẫn dân thu hái đúng lúc, bảo quản và phân loại bông hạt theo tiêu chuẩn của ngành.

- Hướng dẫn nông dân sử dụng máy ép kiện, ép bông hạt thành từng kiện có kích thước 50x50x60 cm, có trọng lượng 60 - 65 kg/kiện bằng máy ép kiện nhỏ.

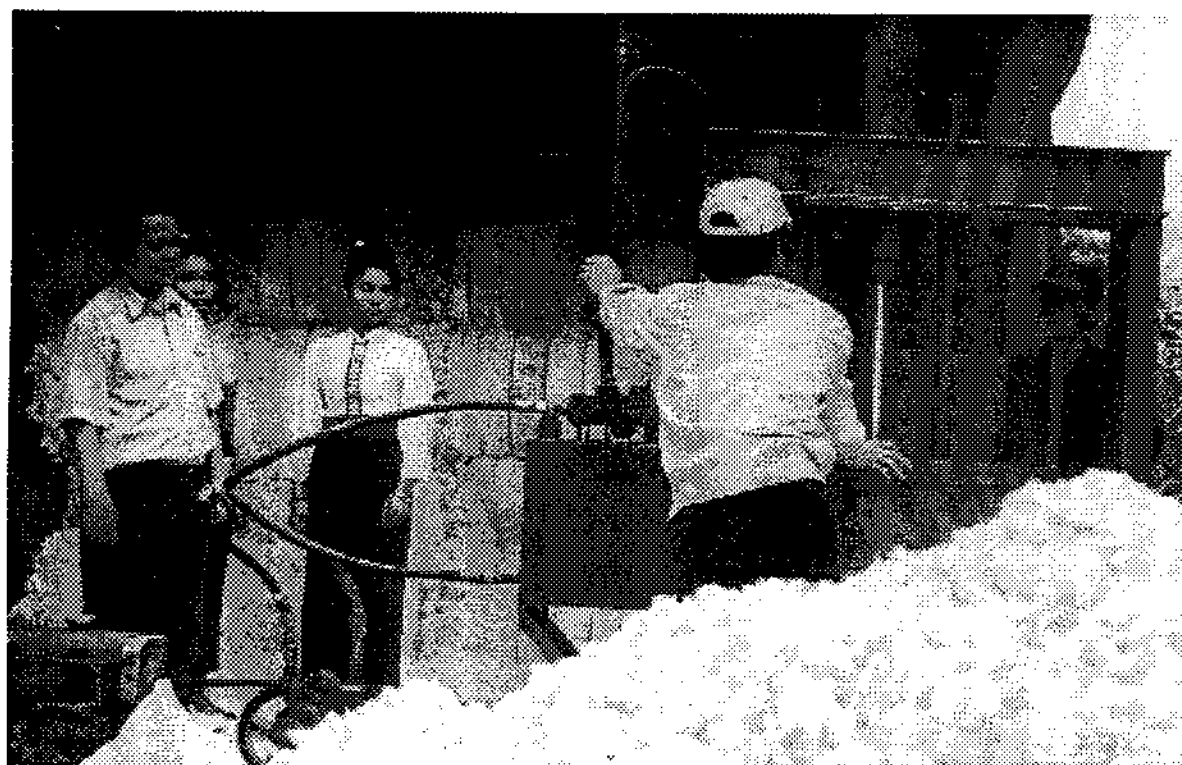
- Kỹ thuật đóng gói bảo quản bông hạt.

c. Các giải pháp thực hiện :

- Tổ chức các lớp tập huấn về nâng cao chất lượng bông hạt.

- Sử dụng máy ép kiện nhỏ có trọng lượng 90-100 kg gọn nhẹ, chạy bằng dầu diezen, nguyên tắc ép bằng thủy lực.

- Dùng các mảnh ép bằng vải, đai bằng dây thừng thông dụng.



Ép kiện bông hạt tại xã Chiềng Sơ - huyện Sông Mã

** Mô hình sơ chế, ép kiện, đóng gói bảo quản bông hạt tại 3 xã Yên Hưng, Chiềng Sơ và Nậm Ty :*

a. Sử dụng 3 máy ép kiện loại nhỏ đặt tại 3 xã Yên Hưng, Chiềng Sơ và Nậm Ty với 328 hộ tham gia trong 2 năm.

b. Nội dung :

- Hướng dẫn dân thu hái đúng lúc, bảo quản và phân loại bông hạt theo tiêu chuẩn của ngành.

- Hướng dẫn nông dân sử dụng máy ép kiện, ép bông hạt thành từng kiện có kích thước 50x50x60 cm, có trọng lượng 60 - 65 kg/kiện bằng máy ép kiện nhỏ.

- Kỹ thuật đóng gói bảo quản bông hạt.

c. Các giải pháp thực hiện :

- Tổ chức các lớp tập huấn về nâng cao chất lượng bông hạt.

- Sử dụng máy ép kiện nhỏ có trọng lượng 90-100 kg gọn nhẹ, chạy bằng dầu diezen, nguyên tắc ép bằng thủy lực.

- Dùng các mảnh ép bằng vải, đai bằng dây thừng thông dụng.



Ép kiện bông hạt tại xã Chiềng Sơ - huyện Sông Mã

3. Kết quả đạt được của các mô hình :

* Chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất :

Bảng 6 : Một số chỉ tiêu sinh trưởng và các yếu tố cấu thành năng suất của 3 giống triển khai trong 3 mô hình

Mô hình	Giống	Mật độ (vạn cây/ha)	Cao cây (cm)	Số cành đực (cành)	Số cành quả (cành)	Trọng lượng quả (gram)	Số quả/cây (quả)	NS thực tế (tạ/ha)
MH thâm canh bông tăng năng suất và chất lượng xơ	VN ₁₅	3,3	129	1,5	13,0	4,0	19,3	23,4
	VN ₂₀	3,3	142	2,0	14,5	3,8	20,5	23,0
	VN ₀₁₋₂	3,3	137	2,0	14,0	4,2	19,6	23,9
MH xen canh bông với lạc	VN ₁₅	2,6	130	1,0	13,5	4,0	22,2	18,2
	VN ₂₀	2,6	135	1,5	13,5	3,8	24,0	18,2
MH thâm canh bông tăng năng suất kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ	VN ₁₅	3,3	132	1,5	13,0	4,0	19,8	23,8
	VN ₂₀	3,3	139	2,0	14,0	3,8	21,5	23,3

Qua bảng 6 cho ta thấy giống VN₂₀ có chiều cao cây và số cành quả lớn hơn giống VN₀₁₋₂ và VN₁₅. Ở mô hình xen canh bông với lạc có số quả/cây (22,2-24 quả/cây) nhiều hơn ở các mô hình khác. Mô hình thâm canh bông tăng năng suất kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ có số quả/ cây nhiều hơn ở mô hình thâm canh bông tăng năng suất và chất lượng xơ từ 0,5-1 quả/cây. Giống VN₂₀ sai quả (20,5 -24 quả) nhưng trọng lượng quả bé (3,8 gram/quả). Giống VN₀₁₋₂ có số quả tương đương giống VN₁₅ nhưng trọng lượng quả lớn (4,2 gram/quả).

Cả 3 giống trồng trong vùng dự án đều cho năng suất khá cao : giống VN₀₁₋₂ cho năng suất cao nhất đạt 23,9 tạ/ha, giống VN₁₅ cho năng suất từ 23,4-23,8 tạ/ha và giống VN₂₀ cho năng suất từ 23,0-23,3 tạ/ha.

Bảng 7 : Kết quả năng suất của các mô hình đối với giống VN₂₀

Mô hình	Năng suất bông (tạ/ha)		
	Năm 2002	Năm 2003	TB 2 năm
MH thâm canh bông tăng năng suất và chất lượng xơ	23,09	22,87	22,98
MH xen canh bông với lạc	18,13	18,35	18,24
MH thâm canh bông tăng năng suất kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ	22,71	21,93	22,32
Ruộng bông sản xuất đại trà	14,78	14,30	14,54

Kết quả theo dõi năng suất bông của giống VN₂₀ ở các mô hình cho ta thấy : mô hình thâm canh bông tăng năng suất và chất lượng xơ tại xã Yên Hưng cho năng suất cao nhất đạt 22,98 tạ/ha; mô hình thâm canh bông tăng năng suất kết hợp sử dụng thuốc trừ cỏ tại xã Nam Ty do trồng trên đất xám nghèo dinh dưỡng hơn đất đen vùng Yên Hưng, hơn nữa năm 2003 do có mưa cuối vụ cục bộ ở các xã phía Bắc huyện Sông Mã nên tỷ lệ bông thối không cho thu hoạch từ 5-8% vì vậy năng suất chỉ đạt 22,32 tạ/ha; mô hình xen canh bông với lạc cho năng suất 18,24 tạ/ha, tuy nhiên tổng thu/ha gồm cả bông và lạc xen (577 kg/ha) không thua kém mô hình thâm canh.

Năng suất bông năm 2003 thấp hơn so với năm 2002 do thời tiết năm 2003 mưa nhiều ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển cũng như chăm sóc của người dân. Cũng theo bảng trên ta thấy so sánh giữa ruộng mô hình và ruộng đại trà thì năng suất ruộng mô hình (18,24-22,98 tạ/ha) cao hơn hẳn so với ruộng đại trà (14,54 tạ/ha).

* *Chỉ tiêu về chất lượng :*

Bảng 8 : Kết quả phân tích các chỉ tiêu của xơ bông và tỷ lệ bông hạt của các mô hình so với sản xuất đại trà

Tên mô hình	Độ mịn (Mic)	Độ chín	Chiều dài UHML (mm)	Độ đều UI (%)	C.S xơ ngắn (%)	Độ bền (g/tex)	Tỷ lệ bông hạt L1 (%)	Tỷ lệ bông hạt L2 (%)
MH thâm canh bông tăng NS & chất lượng xơ	4,27	93,3	28,8	84,8	5,3	18,5	98	2
MH thâm canh bông tăng NS kết hợp sd thuốc trừ cỏ	4,12	94,3	28,4	83,1	6,8	18,2	95	5
MH xen canh bông với lạc	4,03	93,5	28,2	84,4	6,1	18,3	95	5
TB	4,14	93,7	28,5	84,1	6,1	18,3	96	4
Đại trà	4,02	89,8	28,0	83,1	7,0	18,1	85	15

* *Số liệu phân tích của Viện kinh tế kỹ thuật dệt may - Bộ Công nghiệp*

Qua bảng 8 với kết quả phân tích chất lượng xơ bông được thể hiện qua tỷ lệ xơ, độ mịn, độ dài của sợi bông, độ đều và độ bền xơ... cho thấy việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong các mô hình đều làm tăng được chất lượng bông. Đặc biệt tỷ lệ bông hạt loại 1 ở các mô hình thâm canh cao hơn hẳn ruộng sản xuất đại trà 11%.

Điều cần chú ý là trong phơi phóng, bảo quản việc lẫn dây nylon, tạp chất là vấn đề phổ biến ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sợi dệt, nhuộm may... Vì vậy toàn vùng dự án đã phân loại, thu mua, ép kiện tại chỗ bông hạt cho các hộ nông dân do đó lượng dây nylon, tạp chất lẫn trong bông giảm đáng kể.

V. Tình hình sử dụng kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 1.094.694.000đ

Gồm các nguồn : - Ngân sách trung ương : 650.000.000đ

- Ngân sách địa phương : 30.000.000đ

- Vốn Chi nhánh Công ty Bông VN: 45.976.000đ

- Vốn của dân : 368.718.000đ (bằng công lao động và một số loại vật tư dân có)

Bảng 9 : Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ ngân sách Trung ương*Đơn vị tính : đồng*

TT	Nội dung chi	Chỉ tiêu được duyệt	Thực hiện	Ghi chú
	Tổng số	650.000.000	650.000.000	
1	Thuê khoán chuyên môn	150.000.000	149.190.700	
	- Chi phí cho CQC GCN	110.000.000	104.989.000	
	- Đào tạo, tập huấn	40.000.000	33.401.700	
	- Phụ cấp kỹ thuật viên, cán bộ xã		10.800.000	
2	Nguyên vật liệu, năng lượng	268.000.000	268.385.300	
3	Thiết bị, máy móc	212.000.000	211.850.000	
4	Chi khác	20.000.000	20.574.000	

VI. Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án**1. Hiệu quả kinh tế trực tiếp của các mô hình :**** Các mô hình sản xuất bông :***Bảng 10 : Hiệu quả kinh tế 1 ha ruộng bông mô hình so với ruộng bông và ruộng ngô sản xuất đại trà***Đơn vị tính : 1.000 đồng*

Chỉ tiêu	MH thâm canh bông tăng NS, chất lượng xơ	MH thâm canh bông tăng NS kết hợp sd thuốc trừ cỏ	MH xen canh bông với lạc	Ruộng bông đại trà	Ruộng ngô đại trà
Chi phí	6.080	6.110	6.123	3.975	2.740
Giống bông	455	455	338	455	
Giống lạc xen			140		
Giống ngô					360
Phân bón	1.425	1.425	1.425	950	300
Thuốc BVTV, thuốc trừ cỏ	690	1.170	610	320	80
Phân bón qua lá, PIX	510	460	410	50	-
Công lao động	3.000	2.600	3.200	2.200	2.000
Năng suất bông (kg/ha)	2.298	2.232	1.824	1.454	
Năng suất lạc xen (kg/ha)			577		
Năng suất ngô (kg/ha)					4.500
Tổng thu	11.949,6	11.606,4	11.729,8	7.560,0	5.400,0
Lợi nhuận	5.869,6	5.496,4	5.669,8	3.585,0	2.660,0

Các số liệu bảng 10 cho thấy:

- Hiệu quả kinh tế của 1ha trồng bông đại trà (tổng thu 7.560.000 đồng, lợi nhuận 3.585.000 đồng) cao hơn 1 ha trồng ngô (tổng thu 5.400.000 đồng, lợi nhuận 2.660.000 đồng).

- Bông được sản xuất theo quy trình ở các mô hình đều cho năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn sản xuất bông đại trà và cao hơn hẳn sản xuất ngô (cây trồng chính của vùng trên cùng chân đất).

** Mô hình sơ chế, ép kiện, bảo quản bông :*

Bảng 11 : Chi phí vận chuyển 1kg bông hạt bằng bao và ép kiện

Đơn vị tính : đồng/kg bông hạt

TT	Chỉ tiêu	MH ép kiện	Đóng bao
1	Chi phí thu mua, ép kiện (đóng bao)	100	30
2	Vật rẻ tiền, bao bì, dầu mỡ	40	100
3	Chi phí vận chuyển Sông Mã - Hà Nội	950	1.400
4	Tổng chi phí	1.090	1.530
5	Lãi vận chuyển ép kiện so với đóng bao	+ 440	0

** Thống kê tổng hợp hiệu quả kinh tế trực tiếp của các mô hình*

Bảng 12 : Hiệu quả kinh tế trực tiếp của các mô hình

Chỉ tiêu	MH thâm canh bông tăng NS, chất lượng xơ	MH xen canh bông với lạc	MH thâm canh bông tăng NS kết hợp sd thuốc trừ cỏ	MH sơ chế, ép kiện và bảo quản bông hạt	Tổng giá trị dự án
Diện tích dự án (ha)	40	40	40	254,16 tấn	120
- Tổng chi (1.000đ)	243.200	244.920	244.400	274.034	1.006.554
- Tổng thu (1.000đ)	477.984	469.192	464.256	388.864	1.800.286
- Lợi nhuận (1.000đ) sau khi đã tính công lao động	234.784	224.272	219.856	114.830	793.742

Mức độ hiệu quả của các mô hình phụ thuộc vào các yếu tố :

- Bố trí mô hình trên các loại đất thích hợp.
- Trình độ thực hiện các biện pháp kỹ thuật, có thâm canh và bố trí xen canh hợp lý đều cho hiệu quả kinh tế cao.

2. Hiệu quả kinh tế xã hội của dự án :

*** Hiệu quả kinh tế của dự án :**

Qua triển khai và phát triển sản xuất bông trên địa bàn huyện Sông Mã, diện tích, năng suất và sản lượng bông hàng hoá và thu nhập của nông dân ngày càng tăng, trong đó 3 xã : Yên Hưng, Chiềng Sơ và Nậm Ty có tỷ lệ sản xuất bông rất đáng kể (năm 2003 tổng diện tích bông của 3 xã $\approx$ 600 ha).

Bảng 14 : Hiệu quả kinh tế của dự án trong 2 năm 2002-2003

Stt		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Năng suất tăng (tạ/ha)	Sản lượng tăng (tấn)	Giá trị tăng (triệu đồng)
1	Sản xuất trong MH 2 năm (2002-2003)	120	21,18	7,01	84,12	437,42
2	Diện tích nhân rộng MH ra sản xuất năm 2002	860	13,8	1,80	154,8	804,96
3	Diện tích nhân rộng MH ra sản xuất năm 2003	1.238	14,54	2,54	314,45	1.635,15
	Cộng				553,37	2.877,53

Như vậy, đơn vị đã làm lợi cho nông dân vùng dự án 2.877,53 triệu đồng.

Với tổng mức đầu tư là 1.094.694.000 đồng, hiệu quả đầu tư của dự án là : $2.877.530.000 \text{ đ} / 1.094.694.000 \text{ đ} = 2,63$ (đầu tư 1 triệu đồng sẽ thu lại 2,63 triệu đồng, làm lợi 1,63 triệu đồng).

*** Hiệu quả xã hội của dự án :**

Toàn huyện thu hút khoảng 5.000 lao động làm bông trong đó số lao động thuộc địa bàn 3 xã thực hiện dự án khoảng 1.800 lao động, chiếm 36% (năm 2003).

Sự chuyển giao khoa học công nghệ cùng với đào tạo, tập huấn, huấn luyện cho đội ngũ cán bộ địa phương, đông bào dân tộc góp phần xây dựng kinh tế hộ gia đình và phát triển vùng chuyên canh cây bông ở nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất giúp đồng bào dân tộc thực hiện tốt biện pháp thâm canh, nắm vững các khâu canh tác nhằm chủ động về thời gian, xoá được tập quán canh tác quảng canh, đồng thời nâng cao năng suất, tăng thu nhập, ổn định đời sống. Về lâu dài hình thành phát triển cơ cấu cây trồng với cơ cấu giống mới, có biện pháp canh tác hợp lý, sử dụng phân bón cân đối ngày càng làm tăng độ phì của đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

Những vùng lân cận có điều kiện tự nhiên như vùng dự án có thể áp dụng thành tựu nhân ra diện rộng 4.000-5.000 ha bông (vào năm 2006-2007) thâm canh có năng suất cao, chất lượng tốt, góp phần tăng sản lượng bông hạt, thu hút hàng vạn lao động trên địa bàn...

VII. Đánh giá chung về kết quả thực hiện dự án, bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị

1. Đánh giá chung về kết quả thực hiện dự án :

Qua thực hiện dự án nhờ áp dụng biện pháp thâm canh, các tiến bộ kỹ thuật vào mô hình nên đã đạt được những kết quả đáng kể : năng suất bông ở các mô hình đạt từ 18,2-23,9 tạ/ha cao hơn hẳn ruộng sản xuất đại trà, cho thu nhập từ 10-13 triệu đồng/ha, đồng thời tạo cho người dân tập quán thâm canh tổng hợp, trồng xen tăng thu nhập, tăng hệ số sử dụng đất. Nhờ việc triển khai dự án đạt kết quả tốt nên năm 2003 diện tích bông toàn huyện Sông Mã đạt 1.238 ha (tăng so với năm 2001 là 169%).

2. Một số kinh nghiệm được rút ra như sau :

- Việc khảo sát lựa chọn mô hình cho dự án thể hiện được tính đặc trưng cho cả vùng do đó khi dự án kết thúc vẫn có đủ điều kiện phát triển ra diện rộng và lâu dài.

- Những tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng là khả thi và có hiệu quả, do đó có sức thu hút nhiều nông dân tham gia. Nông dân tiếp nhận được quy trình kỹ thuật và thực hiện tốt quy trình sẽ cho năng suất bông cao.

- Sự phối hợp đồng bộ và có quy chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì, đơn vị thực hiện, bộ phận chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và nông dân cùng với việc giải quyết một cách đồng bộ giữa các khâu sản xuất - tiêu thụ sản phẩm cho người nông dân, đảm bảo quyền lợi cho cả người nông dân lẫn đơn vị chuyển giao công nghệ đã tạo nên sự thành công của dự án, trong đó nòng cốt là bộ phận chuyển giao kỹ thuật có ý nghĩa hết sức quyết định.

- Việc đào tạo, tập huấn tiến hành đều đặn theo từng thời kỳ sinh trưởng, phát triển của cây bông ngay tại ruộng mô hình cho kết quả tốt.

3. Kết luận :

Dự án : “Xây dựng mô hình thâm canh bông năng suất cao và sơ chế bảo quản bông hàng hoá tại 3 xã: Yên Hưng, Chiềng Sơ và Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La” đã chọn đúng địa bàn, mục tiêu, nội dung, cơ quan chuyển giao công nghệ, giải quyết liên hoàn giữa 3 khâu chủ yếu là sản xuất - sơ chế - tiêu thụ sản phẩm nên dự án có tính xã hội và hiệu quả kinh tế cao. Dự án đã góp phần nâng cao hiểu biết cho bà con dân tộc về kỹ thuật thâm canh cây bông, kỹ thuật trồng xen,... góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng và phát triển nông nghiệp bền vững của huyện Sông Mã. Diện tích bông tại Sông Mã đã tăng từ 460 ha (năm 2001) lên 1.238 ha (năm 2003) và kế hoạch năm 2004 là 1.800ha. Đồng thời dự án đã có tác dụng nhân rộng diện tích bông ra các huyện liên kề trong tỉnh Sơn La như Yên Châu, Thuận Châu, Mai Sơn và Quỳnh Nhai.

Qua kết quả của dự án có thể đánh giá dự án đã đạt và vượt mục tiêu đề ra. Việc đưa cây bông vào cơ cấu cây trồng chính của địa phương, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp nhờ áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nên năng suất bông được cải thiện... từ đó giúp bà con nông dân tăng thu nhập, cải thiện đời sống góp phần xoá đói giảm nghèo.

Những tiến bộ kỹ thuật đã áp dụng cho dự án là phù hợp có thể nhân rộng cho các vùng có điều kiện canh tác tương tự cụ thể như sau :

- Về giống : Ba giống bông lai F_1 bố trí ở dự án là VN₂₀, VN₁₅, VN₀₁₋₂ cho năng suất khá cao nhưng giống VN₀₁₋₂ cho năng suất cao nhất. Vì vậy, trong những năm tới nên đưa giống VN₀₁₋₂ vào sản xuất phổ biến ở các vùng khác trong tỉnh.

- Về sử dụng PIX và mật độ : Phun PIX 1-2 lần từ 50-150 ml/ha và gieo mật độ 3,3 vạn cây/ha năng suất tăng khá rõ. Qua theo dõi ruộng bông mô hình đối với giống VN₀₁₋₂ thì phun PIX 2 lần với lượng 150ml/ha và gieo mật độ trên 3,3 vạn cây/ha cho năng suất 23,9 tạ/ha. Vì vậy sau khi dự án kết thúc trên vùng 3 xã thực hiện dự án nói riêng và Sông Mã nói chung cần tiếp tục thực nghiệm việc phun PIX với liều lượng cao hơn và tăng mật độ gieo để có cơ sở kết luận chính xác hơn.

- Sử dụng máy phun thuốc tiết kiệm nước LV đảm bảo phát huy tính năng tác dụng, tăng năng suất lao động, tiết kiệm nước (20 lít/ha), phù hợp với điều kiện của đồng bào dân tộc trồng bông trên đồi cao nên khuyến cáo sử dụng rộng rãi.

- Công tác bảo vệ thực vật : Dự án đã áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp, hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc trừ sâu, bảo vệ quần thể thiên địch, bảo vệ môi trường, góp phần giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế của việc sản xuất bông.

- Xen canh : Trồng bông xen lạc cho hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng bông thuần đại trà nhưng trồng bông thuần thâm canh áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật canh tác lại cho hiệu quả cao hơn bông trồng xen. Tuy nhiên về lâu dài nên mở rộng mô hình xen canh bông vì :

+ Thu nhập giữa mô hình xen canh và thâm canh trồng thuần chênh nhau không lớn (# 2%).

+ Sự đa dạng trong trồng trọt sẽ tạo điều kiện làm phong phú quần thể thiên địch ký sinh, cải tạo đất và lao động được sử dụng hiệu quả hơn.

+ Tăng hệ số sử dụng đất.

- Sơ chế, ép kiện và bảo quản bông hạt tại chỗ đã tạo thêm việc làm cho bà con nông dân, đồng thời đã nâng cao được chất lượng bông hạt tuy nhiên để loại trừ dây nylon lẫn trong bông thì các dụng cụ thu hái, ép kiện, vận chuyển bông đều phải đựng bằng bao, mảnh ép bằng vải.

4. Kiến nghị :

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ, Công ty Bông Việt Nam cùng các ngành hữu quan nên có các chương trình tương tự cho những vùng phụ cận, đặc biệt là những vùng mới đưa cây bông vào sản xuất.

Với những vùng sản xuất đã tương đối ổn định thì cũng cần phải triển khai nhiều chương trình để từng bước đưa nhanh các tiến bộ khoa học vào sản xuất, nhằm nâng cao hơn nữa năng suất và chất lượng bông, từ đó tạo ra một vùng sản xuất nguyên liệu ổn định.

Ngày 26 tháng 02 năm 2004

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN


Li Hua Xu

Ngày 26 tháng 02 năm 2004

CƠ QUAN CHỦ TRÌ DỰ ÁN
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Đức Ngụ

